

Số: 63/NQ-HĐND

Thị xã Kỳ Anh, ngày 25 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn
đầu tư phát triển năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh, khóa XVII, kỳ họp thứ 3, Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017 - 2020; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 15/07/2017 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh một số cơ chế, chính sách tạo nguồn lực xây dựng thị xã Kỳ Anh đạt tiêu chí đô thị loại III vào năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 8 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và bố trí vốn đầu tư phát triển năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3969/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho thị xã Kỳ Anh;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 27/12/2018 của HĐND thị xã Kỳ Anh về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2019;

Sau khi xem xét báo cáo của UBND thị xã về tình hình thực hiện thu chi ngân sách năm 2019, dự kiến phân bổ nhiệm vụ thu chi, vốn đầu tư phát triển năm 2019; Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 22/7/2019 của UBND thị xã Kỳ Anh về việc điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN và vốn đầu tư phát triển năm 2019; Báo cáo thẩm tra số:30/BC-BKT&XH ngày 24/7/2019 của Ban Kinh tế & Xã hội HĐND thị xã và các ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp,

oocj

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2019, như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2019	Dự toán tăng	Dự toán giảm	Tổng thu ngân sách	NSNN thị xã hưởng cả năm 2019
I	Tổng thu ngân sách Nhà nước	527.660	34.000	0	561.660	429.711
1	Thu ngân sách trên địa bàn	234.000	34.000	0	268.000	136.051
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	293.660			293.660	293.660
II	Chi ngân sách Thị xã	405.911	32.215	8.415		429.711
1	Chi đầu tư phát triển	39.610	30.715	6.915		63.410
2	Chi thường xuyên	309.252	1.500	1.500		309.252
3	Dự phòng ngân sách	4.400				4.400
4	Chi bổ sung NS xã, phường	52.649				52.649

(Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thị xã đồng ý với Báo cáo đánh giá tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và các nhiệm vụ tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách, công tác quản lý điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2019 do UBND thị xã đã trình, đồng thời yêu cầu một số nhiệm vụ như sau:

1. UBND thị xã chỉ đạo ngành thuế và chính quyền các cấp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật và phân đầu hoàn thành kế hoạch HĐND thị xã giao; tập trung thực hiện các giải pháp chống thất thu, giảm tối đa nợ đọng thuế, tăng cường khai thác, nuôi dưỡng các nguồn thu; Đẩy mạnh thu cấp quyền sử dụng đất, các sắc thuế của lĩnh vực tài nguyên và môi trường,... để có nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế.

2. Thực hiện quản lý và điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng kế hoạch phân bổ đầu năm đã được HĐND thông qua trên cơ sở cân đối thu và chi. Nâng cao vai trò trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị điều hành dự toán và bổ sung kịp thời những nguồn thất thu, điều chỉnh các khoản chi không hợp lý, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ của cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn, chi tiêu tiết kiệm, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 09/11/2018 Chính phủ về việc điều hành Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

3. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các đơn vị thi công, tư vấn kiên quyết xử lý nghiêm túc đối với các vi phạm trong quản lý đầu tư và xây dựng. Từng bước xử lý nợ tồn đọng trong đầu tư xây dựng cơ bản theo các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện tốt Nghị quyết số 70/NĐ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

4. Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách, HĐND thị xã yêu cầu:

ay

a) Quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí dự toán; tập trung điều hành sử dụng theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Luật NSNN nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí trong dự toán để xử lý các nhiệm vụ cấp bách phát sinh như: phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu đói, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thị xã trong năm mà chưa được dự toán; Nguồn dự phòng ngân sách còn lại để chủ động xử lý khi nguồn thu ngân sách nhà nước có giảm lớn.

b) Phân đầu quyết liệt để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương, trường hợp giảm thu so với dự toán, phải chủ động sử dụng các nguồn lực tài chính của địa phương để bù đắp, đồng thời thực hiện rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm hoặc giãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, trong đó ưu tiên đảm bảo nguồn thanh toán các khoản chi về tiền lương và có tính chất lương, các khoản chi thường xuyên để đảm bảo hoạt động bình thường của cấp ủy, chính quyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên địa bàn, các khoản chi an sinh xã hội, chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình quan trọng, cấp bách.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình điều hành thu, chi ngân sách, nếu có phát sinh ngoài kế hoạch dự toán đã được phân bổ, Ủy ban nhân dân thị xã thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã để có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã vào kỳ họp gần nhất. Phân bổ và sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo đúng quy định, tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân thị xã tại các kỳ họp.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND thị xã, khóa I, kỳ họp thứ 9, nhiệm kỳ 2016 - 2021, thông qua ngày 25 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- Thường trực Thị ủy, HĐND thị xã;
- Chủ tịch, PCT UBND thị xã;
- Ban KT-XH, HĐND thị xã;
- Các vị đại biểu HĐND thị xã;
- HĐND, UBND 12 xã, phường;
- Các đơn vị dự toán;
- Lưu: VT, TC.
- Gửi: Văn bản giấy.



Trần Xuân Phụng

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Phân bổ và điều chỉnh các cấp ngân sách và bổ sung cân đối)

DVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán tính giao	Dự toán HĐND thị xã giao	Dự toán điều chỉnh 6 tháng	Phân chia ngân sách các cấp			
					NSTW	NS cấp tỉnh	NS thị xã	NS cấp xã/phường
I	Thu ngân sách trên địa bàn	224.000	234.000	268.000	2.500	109.350	136.051	20.099
1	Thu Quốc doanh	3.000	3.000	3.000	0	1.800	1.200	0
2	Thu từ DN có VĐT nước ngoài	23.000	23.000	23.000	0	20.700	2.300	0
3	Thu Ngoài quốc doanh	62.000	62.000	62.000		27.250	32.925	1.825
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0
5	Thuế thu nhập cá nhân	7.000	7.000	7.000	0	3.500	3.500	0
6	Lệ phí trước bạ	16.500	16.500	16.500		0	16.000	500
7	Thu phí, lệ phí	6.000	6.000	6.000		0	4.816	1.184
8	Thuế phi nông nghiệp	1.000	1.000	1.000	0	0	0	1.000
9	Cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000	23.000	23.000	0	11.500	11.500	0
10	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000	10.000	10.000	0	0	9.910	90
11	Tiền sử dụng đất	77.000	77.000	111.000	0	44.500	53.500	13.000
12	Thu tại xã	2.500	2.500	2.500	0	0	0	2.500
13	Thu khác ngân sách	3.000	3.000	3.000	2.500	100	400	0
II	Thu chuyển giao giữa các cấp NS	293.660	293.660	293.660	0	0	293.660	52.649
1	- Bổ sung cân đối	241.011	241.011	241.011			241.011	
2	- Bổ sung cân đối xã/phường	52.649	52.649	52.649			52.649	52.649
	Tổng cộng (I+II)	517.660	527.660	561.660	2.500	109.350	429.711	72.748

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH

ay

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ KỲ ANH NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 63 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của HĐND thị xã Kỳ Anh)

DVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
	Tổng chi NSNN	137.078.242	1.253	276.000	177.077.679	86.394.707	405.911.000	32.215.000	8.415.000	429.711.000
I	Chi đầu tư phát triển		0	0	39.610.000	0	39.610.000	30.715.000	6.915.000	63.410.000
	Chi tiết nguồn bố trí									
	Nguồn cấp quyền SDD, tiền thuê đất, nstt				39.610.000		39.610.000	30.715.000	6.915.000	63.410.000
II	Chi thường xuyên	137.078.242	1.253	276.000	80.418.679	86.394.707	309.252.000	1.500.000	1.500.000	309.252.000
1	Sự nghiệp kinh tế	3.091.551	27	72.000	29.786.000	11.596.722	44.474.273	0	1.500.000	42.974.273
1.1	Sự nghiệp Nông nghiệp					120.000	120.000	0	0	120.000
	- Chính sách nông nghiệp					1.500.000	1.500.000	0	0	1.500.000
1.2	Sự nghiệp Lâm nghiệp					227.000	227.000	0	0	227.000
1.3	Sự nghiệp Thủy lợi - PCBL					2.989.000	2.989.000	0	0	2.989.000
1.4	Sự nghiệp Thủy sản, diêm nghiệp					40.000	40.000	0	0	40.000
1.5	Sự nghiệp CT-TTCN, Điện					60.000	60.000	0	0	60.000
1.6	Lĩnh vực TMDV, KHCN					110.000	110.000	0	0	110.000
1.7	Sự nghiệp giao thông -XD					180.000	180.000	0	0	180.000

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
1.8	Ban An toàn giao thông				370.000	170.000	540.000	0	0	540.000
1.9	Sự nghiệp QLNN TN&MT					300.000	300.000	0	0	300.000
1.10	Mua sắm, sửa chữa tài sản					2.000.000	2.000.000	0	1.500.000	500.000
1.11	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính				15.830.000		15.830.000	0	0	15.830.000
1.12	Sự nghiệp môi trường				13.000.000		13.000.000	0	0	13.000.000
1.13	Hội đồng BT-HT-TĐC thị xã	197.858	3	18.000	154.000	600.000	951.858	0	0	951.858
1.14	Đội Quản lý trật tự đô thị	191.245	2	18.000	36.000	940.722	1.167.967	0	0	1.167.967
1.15	Trung tâm UDKHKT & BVCTVN	1.302.921	10	18.000	180.000	160.000	1.642.921	0	0	1.642.921
1.16	Trung tâm DV Hạ tầng & Môi trường ĐT	1.399.526	12	18.000	216.000	1.000.000	2.615.526	0	0	2.615.526
1.17	Sự nghiệp kinh tế khác					600.000	600.000	0	0	600.000
1.18	Đề án đặt tên đường					600.000	600.000	0	0	600.000
2	Sự nghiệp VH TT - TDTT và PT-TH	1.002.435	15	36.000	270.000	1.234.400	2.555.207	0	0	2.555.207
2.1	Sự nghiệp VH TT-TDTT	492.820	8	18.000	144.000	1.054.400	1.739.592	0	0	1.739.592
-	Lĩnh vực Văn hóa, TT - TT&DL	541.192	8	18.000	144.000	250.000	935.192	0	0	935.192
-	Website thị xã					200.000	200.000	0	0	200.000
-	QLNN lĩnh vực Văn hóa TT					254.400	254.400	0	0	254.400
-	Đề án Truyền thanh cơ sở và VM đô thị					200.000	200.000	0	0	200.000
-	Logo, ca khúc thị xã					150.000	150.000	0	0	150.000



Quy

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
2.2	Đài phát thanh - Truyền hình	509.616	7	18.000	126.000	180.000	815.616	0	0	815.616
3	Sự nghiệp Nội chính (Tư pháp, T.tra)	0	0	0	0	618.000	618.000	0	0	618.000
-	Tuyên truyền GDPL - Hộ tịch, QL văn bản QPPL:					250.000	250.000	0	0	250.000
-	Ban chỉ đạo thi hành án					100.000	100.000	0	0	100.000
-	Hoạt động Thanh tra					268.000	268.000	0	0	268.000
4	Sự nghiệp Giáo dục	109.092.309	966	0	19.911.044	52.846.647	181.850.000	0	0	181.850.000
-	Sự nghiệp Giáo dục (33 trường)	109.092.309	966		19.811.044	51.966.647	180.870.000	0	0	180.870.000
-	Quản lý NN lĩnh vực GD				100.000	880.000	980.000		0	980.000
5	Sự nghiệp Đào tạo	1.826.473	22		396.000	1.263.000	3.485.473	0	0	3.485.473
-	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	276.321	4	18.000	72.000	600.000	948.321	0	0	948.321
-	Trung tâm HN-DN-GD TX	1.550.153	18	18.000	324.000	213.000	2.087.153	0	0	2.087.153
-	Đào tạo khác					450.000	450.000	0	0	450.000
6	Sự nghiệp y tế	8.889.362	99		823.635	779.600	12.831.598	0	0	12.831.598
-	Trung tâm Y tế	1.533.924	15	18.000	270.000	310.600	2.114.524	0	0	2.114.524
-	Lương, phụ cấp của nhân viên y tế học đường	2.339.000					2.339.000	0	0	2.339.000
-	Các Trạm y tế phường, xã	7.355.439	84	7%	553.635	249.000	8.158.074	0	0	8.158.074
-	Sự nghiệp QLNN y tế					220.000	220.000	0	0	220.000
7	Sự nghiệp xã hội	782.790	13	108.000	21.615.000	2.566.298	24.964.088	526.000	0	25.490.088
-	Thi đua khen thưởng, Tôn giáo + CCHC					1.610.000	1.610.000	250.000	0	1.860.000

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
-	Xã hội khác					665.000	665.000	0	0	665.000
-	BHYT người nghèo				4.183.000		4.183.000	0	0	4.183.000
-	BHYT cho đối tượng 60 -70 tuổi						0	276.000	0	276.000
-	BHYT đối với đối tượng Bảo trợ XH				2.268.000		2.268.000	0	0	2.268.000
-	Trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng theo NĐ số 136/NĐ-CP				13.197.000		13.197.000	0	0	13.197.000
-	Tiền điện hộ nghèo				1.733.000		1.733.000	0	0	1.733.000
-	Hội người cao tuổi	124.060	1	18.000	18.000	20.000	162.060	0	0	162.060
-	Hội người mù	228.379	3	18.000	54.000	30.000	312.379	0	0	312.379
-	Hội chữ Thập đỏ	121.108	2	18.000	36.000	30.000	187.108	0	0	187.108
-	Hội cựu TNXP	75.060	2	18.000	36.000		111.060	0	0	111.060
-	Hội bảo trợ người tàn tật & NNCD da cam	108.420	3	18.000	54.000	50.000	212.420	0	0	212.420
-	Hội Khuyến học và cựu giáo chức	125.762	2	18.000	36.000		161.762	0	0	161.762
-	Các hội khác					161.298	161.298	0	0	161.298
8	Quản lý hành chính	12.393.321	111	60.000	3.660.000	13.200.040	31.388.361	0	0	31.388.361
a	Quản lý Nhà nước	6.897.058	65	30.000	2.130.000	5.369.512	14.396.570	0	0	14.396.570
-	Hội đồng nhân dân thị xã:					1.759.512	1.759.512	0	0	1.759.512
-	Văn phòng HĐND - UBND thị xã	6.897.058	71	30.000	2.130.000	2.638.000	11.665.058	0	0	11.665.058
-	Trung tâm hành chính công					206.000	206.000	0	0	206.000
-	Văn phòng Điều phối NTM					766.000	766.000	0	0	766.000
b	Hoạt động của cơ quan Đảng	3.645.542	26	30.000	930.000	4.354.000	11.064.542	0	0	11.064.542

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
-	Văn phòng Thị ủy	3.645.542	31	30.000	930.000	2.435.000	7.010.542	0	0	7.010.542
-	Ban Tổ chức					810.000	810.000	0	0	810.000
-	Ủy ban kiểm tra					275.000	275.000	0	0	275.000
-	Ban Tuyên giáo					800.000	800.000	0	0	800.000
-	Ban Dân vận					250.000	250.000	0	0	250.000
-	Hoạt động Cấp ủy (BTV+BCH)					1.919.000	1.919.000	0	0	1.919.000
c	Hoạt động TC chính trị XH	1.850.721	20		600.000	1.752.000	4.202.721	0	0	4.202.721
-	Mặt trận Tổ quốc thị xã	593.966	6	30.000	180.000	852.000	1.625.966	0	0	1.625.966
-	Thị đoàn TNCSHCM	305.332	4	30.000	120.000	200.000	625.332	0	0	625.332
-	Hội liên hiệp phụ nữ thị xã	427.091	4	30.000	120.000	200.000	747.091	0	0	747.091
-	Hội nông dân thị xã	296.041	3	30.000	90.000	400.000	786.041	0	0	786.041
-	Hội Cựu chiến binh thị xã	228.291	3	30.000	90.000	100.000	418.291	0	0	418.291
d	Các hoạt động khác	0	0	0	0	1.724.528	1.724.528	0	0	1.724.528
	Xây dựng chi tiêu KTXH					270.000	270.000	0	0	270.000
	Báo chí, tuyên truyền					500.000	500.000	0	0	500.000
	Hỗ trợ công tác thu thuế					200.000	200.000	0	0	200.000
	Công tác Hội thăm nhân dân					50.000	50.000	0	0	50.000
	Liên đoàn lao động					50.000	50.000	0	0	50.000
	Hỗ trợ các đơn vị khác					654.528	654.528	0	0	654.528

TT	Nội dung chi	Quỹ lương	Hoạt động theo định mức		Hoạt động theo ĐM	Bổ sung các hoạt động chuyên môn	Tổng dự toán NSDP năm 2019 đầu năm	Tăng dự toán	Giảm dự toán	Dự toán chi điều chỉnh đến cuối năm 2019
		1.390.000đ	B.chế	Đ.mức						
9	Quốc phòng - An ninh	0	0	0	457.000	2.290.000	3.585.000	0	0	3.585.000
-	An ninh				445.000	750.000	1.195.000	0	0	1.195.000
-	Hỗ trợ Đề án 585 cấp xã, phường					100.000	100.000	0	0	100.000
-	Quốc phòng				850.000	1.440.000	2.290.000	0	0	2.290.000
10	Chi khác ngân sách				3.500.000		3.500.000	974.000	0	4.474.000
III	Dự phòng ngân sách				4.400.000		4.400.000	0	0	4.400.000
IV	Bổ sung ngân sách cấp xã, phường				52.649.000	0	52.649.000	0	0	52.649.000
1	Bổ sung cân đối				52.649.000		52.649.000	0	0	52.649.000
2	Bổ sung mục tiêu									

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH

aly

KỶ ANH



Biểu số: 03/XDCB

DỰ TOÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

(kèm theo Quyết định số 33 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của HĐND thị xã Kỳ Anh)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tăng	Giảm	Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
I	Nguồn vốn	39.610.000	-	-	63.410.000	-
1	- Cấp quyền SD đất	29.700.000			53.500.000	
2	- Tiền thuê đất và khác (NSTT)	9.910.000			9.910.000	
II	Chi tiết các công trình	39.610.000	30.715.000	6.915.000	63.410.000	
1	Trả nợ XDCB, đối ứng Đề án xi măng 2018;	1.000.000	1.000.000		2.000.000	
2	Chính sách nông nghiệp, hỗ trợ sau đầu tư	1.000.000			1.000.000	
3	Các công trình theo danh mục đầu tư <i>(có chi tiết kèm theo)</i>	20.600.000	28.693.923	6.915.000	42.378.923	
4	Hỗ trợ xã về đích NTM	1.000.000			1.000.000	
5	Thưởng xã về đích 2018, cân đối trả nợ <i>(xã Kỳ Ninh)</i>	1.000.000			1.000.000	
6	Quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, xúc tiến đầu tư WB và GPMB	9.000.000			9.000.000	
6.1	<i>Quy hoạch:</i>	<i>4.000.000</i>			<i>4.000.000</i>	
6.2	<i>Chuẩn bị đầu tư Dự án chuỗi đô thị động lực từ nguồn WB</i>	<i>3.000.000</i>			<i>3.000.000</i>	
6.3	<i>Phục vụ GPMB, XTĐT:</i>	<i>2.000.000</i>			<i>2.000.000</i>	
7	Hỗ trợ các công trình bảo lụt, giảm nhẹ thiên tai,...	2.000.000			2.000.000	
8	Xác định giá đất cụ thể <i>(xây dựng, định giá, thẩm định, phí đầu giá,...)</i>	1.000.000			1.000.000	
9	Đề án tuyến phố văn minh đô thị	2.000.000	500.000		2.500.000	
10	Hỗ trợ thêm vật liệu cho cơ chế hỗ trợ xi măng, duy tu công trình	1.010.000	521.077		1.531.077	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH

aly

CHI TIẾT TĂNG, GIẢM DỰ TOÁN NĂM 2019
(Kèm Nghị quyết số 3/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của HĐND thị xã

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung điều chỉnh	Tăng	Giảm	Ghi chú
I	Chi tiết các công trình điều chỉnh tăng	30.715.000	6.915.000	
1	Trà nợ XDCB, đối ứng Đề án xi măng 2018	1.000.000		
2	Các công trình theo danh mục đầu tư:	28.693.923		
2.1	Danh mục các công trình theo Thông báo số 88/TB-HĐND ngày 06/01/2019 của HĐND thị xã	18.093.923		
	Công trình sửa chữa các hạng mục khuôn viên khối dân, thị xã Kỳ	448.923		
	Nhà học 02 tầng 08 phòng Trường tiểu học phường Sông Trí	1.600.000		
	Công trình khắc phục, sửa chữa cơ quan UBND thị xã sau bão số 10	1.000.000		
	Công trình tuyến đường nối từ đường trục chính khu TĐC xã Kỳ Lợi	273.000		
	Công trình tuyến đường từ QL1A đi Mộc Hương, phường Kỳ Trinh	450.000		
	Nhà học 02 tầng, 06 phòng trường tiểu học phường Kỳ Trinh	170.000		
	Công trình Đường Bàu Đá, TDP3, phường Sông Trí	100.000		
	Công trình rãnh thoát nước và nâng cấp hệ thống sân trường tiểu học	50.000		
	Công trình sửa chữa trạm y tế Kỳ Long, phường K.Long	95.000		
	Sửa chữa nhà làm việc UBND phường Kỳ Trinh	60.000		
	Công trình sửa chữa, nâng cấp các công trình khuôn viên UBND thị	1.000.000		
	Công trình mương thoát nước và kênh thoát TDP Long Sơn, phường	500.000		
	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dự phòng Tân Long 2, Tân	900.000		
	Công trình đường trục chính vào UBND phường Kỳ Long	500.000		
	Khắc phục thiệt hại do bão số 2, 4, 10 Đê Hoàng Đình và Kỳ Hưng,	423.000		
	Công trình nâng cấp khuôn viên UBND phường Kỳ Trinh	64.000		
	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nối từ trục xã đi đê Kỳ Ninh, xã	600.000		
	Công trình sân vận động xã Kỳ Hà, hạng mục cổng, hàng rào, sân	500.000		
	Trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND- UBMTTQ xã Kỳ Ninh	741.000		
	Công trình công viên Nguyễn Trọng Bình, hạng mục Sân nền, nạo vét	440.000		
	Công trình nâng cấp các tuyến đường tổ dân phố Bắc phong, phường	280.000		
	Công trình đường trục chính đô thị thuộc khu tái định cư xã Kỳ Lợi	320.000		
	Công trình hạ tầng TĐC dự phòng TDP Liên Minh phường Kỳ Long	200.000		
	Công trình đường GT TDP Hưng Lợi, Hưng Nhân phường Sông Trí	510.000		
	Công trình nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL1A đến công viên	160.000		
	Công trình hạ tầng khu dân cư đô thị TDP Hoàn Nam Kỳ Liên, thị xã	180.000		
	Công trình nhà ở nội trú trường tiểu học và THCS Kỳ Nam	80.000		
	Công trình kênh thoát nước lòng hồ Cầu Khoai, thị xã Kỳ Anh	200.000		
	Công trình nâng cấp hệ thống via hè dọc hai bên QL1 đoạn từ	107.000		
	Công trình nâng cấp hệ thống via hè dọc hai bên QL1 đoạn từ	104.000		



aly

TT	Nội dung điều chỉnh	Tăng	Giảm	Ghi chú
	Đường GTNT thôn Tây Hà qua đồng muối	500.000		
	Nhà học 02 tầng, 08 phòng trường tiểu học Kỳ Ninh	170.000		
	Hạ tầng kỹ thuật khu công viên Nguyễn Trọng Bình	360.000		
	Công trình sửa chữa trụ sở UBND phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh	70.000		
	Công trình: Mái che Trường tiểu học Kỳ Ninh	200.000		
	Sân thể dục trường THCS Kỳ Ninh, thị xã Kỳ Anh	400.000		
	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Hoa, thị xã Kỳ Anh, hạng mục	1.500.000		
	Công viên Nguyễn Trọng Bình, Thị xã hạng mục San nền, cống, kè và	700.000		
	Sửa chữa nhà làm việc HĐ GPMB TX Kỳ Anh	280.000		
	Nhà học 2 tầng 6 lớp, mầm non Kỳ Hưng	1.500.000		
	Cải tạo trụ sở làm việc HĐND và UBND thị xã Kỳ Anh; hạng mục	300.000		
	Sửa chữa nhà làm việc UBND phường Kỳ Trinh,	58.000		
2.2	Xây dựng công trình Khu dân cư bờ Nam Sông Trí, TDP Hưng Nhân, phường Sông Trí thị xã Kỳ Anh, theo Thông báo số 99/TB-HĐND ngày 13/5/2019 của HĐND thị xã Kỳ Anh	6.000.000		
2.3	Trung tâm hành chính công	1.500.000		
2.4	Hạ tầng khu dân cư thôn Tân Thắng, xã Kỳ Ninh (giai đoạn 1)	1.000.000		
2.5	Các tuyến đường GTNT xã Kỳ Ninh	1.000.000		
2.6	Trụ sở UBND xã Kỳ Nam	1.100.000		
3	Đề án tuyến phố văn minh đô thị	500.000		
4	Hỗ trợ thêm vật liệu cho cơ chế hỗ trợ xi măng, duy tu công trình	521.077		
6	Danh mục các công trình giảm tại Quyết định 68/QĐ-UBND			
	Đường giao thông từ QL1A đến Trung tâm phường Kỳ Phương		300.000	
	Khu dân cư bờ Nam Sông Trí, phường Sông Trí		250.000	
	Đường Giao thông từ đường trục ngang Kỳ Trinh - Kỳ Ninh đi TDP Tây Trinh, phường Kỳ Trinh		340.000	
	Đường giao thông nội thị phường Sông Trí		250.000	
	Đường giao thông nông thôn từ trung tâm xã Kỳ Ninh đi trạm Biên phòng		300.000	
	Đầu tư một số hạng mục VHTT tại Công viên Nguyễn Trọng Bình (như quy hoạch, nạo vét xung quanh,...)		800.000	
	Trạm Y tế phường Kỳ Thịnh		300.000	
	Nâng cấp tuyến đường giao thông TDP Châu Phố, phường Sông Trí (dài: 2,1 km)		100.000	
	Sửa chữa trụ sở Ban A		250.000	
	Sửa chữa nâng cấp các công trình khuôn viên cơ quan UBND thị xã		400.000	
	Nhà học Trường THCS Kỳ Thịnh		100.000	
	Hệ thống via hè, điện chiếu sáng đường vào TTHC phường Kỳ Liên		500.000	



ay

TT	Nội dung điều chỉnh	Tăng	Giảm	Ghi chú
	Trường Mầm non phường Kỳ Thịnh; Hạng mục: Nhà bếp, cổng và hàng rào.		500.000	
	Công trình các tuyến đường GTNT xã Kỳ Ninh		150.000	
	Công trình nâng cấp vỉa hè, điện chiếu sáng tuyến đường 3/2 và khu vực quảng trường UBND thị xã Kỳ Anh		150.000	
	Công trình nâng cấp các tuyến đường nội thị phường Kỳ Thịnh, tổ dân phố Trường Sơn, Đò Gỗ, Tân Phong		100.000	
	Công trình Tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi Hồ Mộc Hương, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh		440.000	
	Công trình nâng cấp cầu Bàu, xã Kỳ Hưng		1.400.000	
	Công trình Kè, đường, vỉa hè, đường du lịch biển Kỳ Ninh		285.000	
II	Tăng, giảm các nhiệm vụ chi thường xuyên	1.500.000	1.500.000	
	Bổ sung kinh phí thi đua khen thưởng	250.000		
	Bổ sung kinh phí BHYT cho đối tượng 60 tuổi trở lên	276.000		
	Bổ sung chi khác	974.000		
	Giảm dự toán mua sắm tài sản		1.500.000	
	Tổng cộng	32.215.000	8.415.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ KỶ ANH

duy

KỶ ANH THỊ XÃ